TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2025/DS - PT
Ngày 13 - 11- 2025
V/v: Kiện đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thanh Hải**
Các Thẩm phán: Bà **Hoàng Ngọc Liễu**
Ông **Đinh Trường Sơn**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thúy Hằng** - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà **Khà Thị Liên**- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, cơ sở 3, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2025/TLPT- DS ngày 07/10/2025 về việc kiện đòi tài sản. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS - ST ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 188/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1959; nơi ĐKTT: Thôn Đ xã P, TP Hà Nội. Địa chỉ tạm trú: Tổ T, phường K, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo uỷ quyền và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Mông Thị D** – VPLS Nguyễn Bích N – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1973; nơi cư trú: Tổ t, phường K, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư **Trần Dũng T** – VPLS Trần Dũng T – Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ.

3. Người làm chứng: Ông **Nguyễn Ngọc T2**, sinh năm 1983 và bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: thôn Đ, xã P, TP Hà Nội.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau từ năm 2004, đến tháng 5/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình và chung sống với nhau đến tháng 12/2022 thì ly hôn. Trong thời gian chung sống,

ngày 02/6/2011 ông Q có ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Đ thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12, diện tích 385m2 tại xóm Tân Lập, xã Dân Hòa, huyện Kỳ Sơn cũ; giá trị chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 100.000.000 đồng.

Nguồn gốc thửa đất số 20 trên ông Q mua của bà Nguyễn Thị Hương từ năm 2010 trị giá 350 triệu, đã đứng tên ông Q. Do thời điểm đó ông Q và bà Đ sống chung nhưng chưa đăng ký kết hôn (ông Q chưa ly hôn vợ) nên hai bên thống nhất bằng miệng để bà Đ đứng tên thông qua hợp đồng chuyển nhượng mục đích sử dụng làm nơi bán hàng trạm dừng nghỉ. Giá trị chuyển nhượng chỉ ghi là 100 triệu đồng. Thực tế bà Đ không trả số tiền trên vì xác định là tài sản chung, mục đích làm hợp đồng chuyển nhượng chỉ là để bà Đ đứng tên chứ không phải giao dịch thực tế. Nay bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Hòa Bình đã xác định nhà đất tại thửa đất số 20 là tài sản riêng của bà Đ, nên ông yêu cầu bà Đ trả số tiền chuyển nhượng thửa đất trên theo giá trị thực tế tài sản vì trước đó giá trị tài sản ông Q mua đã là 350 triệu.

Đồng thời trong quá trình chung sống: Bà Đ và các em của bà Đ đã sử dụng tài khoản ngân hàng của ông Q để mua hàng cho nhà hàng Ngọc Thắng và chi dùng cá nhân. Cụ thể:

- Tài khoản Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình, từ ngày 01/11/2020 đến ngày 31/12/2021 đã chuyển khoản chi cho bà Đ tổng số tiền là 534.117.000 đồng.

- Tài khoản Ngân hàng TMCP xăng dầu PETROLMEX. Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 ông Q chuyển khoản cho bà Đ 02 lần tổng 815.000.000 đồng. Lần 1 ngày 14/5/2019 chuyển 450.000.000 đồng. Lần 2 ngày 20/5/2019 chuyển 365.000.000 đồng.

Nay ông Q yêu cầu bà Đ phải trả số tiền: 2.649.117.000 đồng (*Hai tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng*). Trong đó:

- Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất do chưa thanh toán, tính theo giá trị tài sản tại thời điểm hiện nay là 1,3 tỷ đồng.

- Tiền vay qua tài khoản là: 1.349.117.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Q sống chung từ năm 2004, đến tháng 5/2019 đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, đến tháng 12/2022 thì ly hôn. Khi ly hôn, hai bên đã giải quyết xong tài sản chung và công nợ chung, không còn vấn đề gì liên quan. Nay ông Q khởi kiện yêu cầu bà trả 2 khoản tiền với tổng số 2.649.117.000 đồng, bà không đồng ý.

- Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 tại xóm Tân Lập, xã Mông Hóa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình: Nguồn gốc thửa đất này do ông Q mua khoảng năm 2010 thời điểm bà và ông Q đang chung sống như vợ chồng. Sau đó ông Q chuyển nhượng lại cho bà có làm hợp đồng theo đúng quy định, giá ghi trong HĐ là 100 triệu nhưng thực tế là 800 triệu do trước đó bà và ông Q có mua chung một ngôi nhà và đất tại thôn Đồng Chữ, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội (đất chưa có GCNQSD đất, chỉ có giấy viết tay đứng tên ông Nguyễn Ngọc Nai – bố đẻ

của bà). Cuối tháng 5/2011 bà và ông Q đã bán thửa đất trên cho ông Nai với giá 1,6 tỷ đồng, do mua chung nên mỗi người được chia 800 triệu, ông Q cầm hết số tiền trên và sang tên lại cho bà thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 tại xóm Tân Lập, xã Mông Hóa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Khi ly hôn, tòa án đã xác định là tài sản riêng của bà. Tài sản này đã được giải quyết trong bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật. Ông Q là người rất chặt chẽ về tiền nong, tài chính rõ ràng, mọi khoản bà vay ông Q đều phải viết giấy vay nợ. Cụ thể như việc vay nợ 3,5 tỷ đã giải quyết ở vụ án ly hôn trước đó ông Q tính lãi rất đầy đủ do đó không có việc chuyển nhượng đất mà không trả tiền như ông Q khai.

- Đối với yêu cầu đòi tiền sử dụng tài khoản của ông Q: Bà và ông Q chung sống là vợ chồng. Bà có tài khoản cá nhân nhưng không để tiền trong tài khoản vì hoạt động kinh doanh nhà hàng thường xuyên phải giao dịch bằng tiền mặt. Do công việc bận nên không có thời gian ra ngân hàng nộp tiền vào tài khoản, thỉnh thoảng có khách hàng ở xa cần thanh toán bà có nhờ ông Q chuyển khoản thanh toán hộ, việc ông Q chuyển tiền từ tài khoản của ông Q cho ai là do ông Q tự thực hiện từ điện thoại và tài khoản của ông Q, các giao dịch về thanh toán tiền hàng của trạm dừng nghỉ ông Q chuyển khoản hộ thì sau đó bà đều thanh toán lại trả ông Q ngay trong ngày và nhiều lần ông Q cũng cần tiền mặt nên ông Q đã chuyển khoản trả tiền hàng hộ rồi bà đưa tiền mặt trả ông Q. Không có việc bà vay tiền ông Q qua tài khoản.

Nay ông Q khởi kiện ra Toà, bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Q và đề nghị Tòa án đình chỉ việc giải quyết.

**** Bản án sơ thẩm số 11/2025/DS – ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ, đã quyết định:***

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147;Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; Căn cứ : Điểm g khoản 1 Điều 217; khoản 1 điều 218; khoản 1 Điều 192; Điều 117; Điều 119; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ: Điều 32; Điều 33; Điều 47 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Căn cứ điểm đ khoản1Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, Lệ phí Tòa án, Tuyên xử:

- Đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn đòi bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 1.300.000.000 đồng (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) chuyển nhượng thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 diện tích 385m2 tại địa chỉ xóm Tân Lập, xã Dân Hòa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình cũ;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 1.349.117.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng*) chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn Q

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/9/2025, ông Nguyễn Văn Q có đơn kháng cáo. Đề nghị đưa bà Riêng, ông Thắng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan; buộc bà Đ phải thanh toán tiền chuyển nhượng đất theo giá hiện tại là 1,3 đồng và 1.349.117.000 đồng tiền ông đã chuyển khoản cho bà Đ vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q thay đổi một phần nội dung kháng cáo về khoản tiền chuyển nhượng đất, chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán tiền chuyển nhượng thửa đất số 20 tờ bản đồ 12 theo Hợp đồng là 100.000.000đ và lãi suất ngân hàng theo từng thời kỳ. Sau đó ông Q rút yêu cầu khởi kiện về nội dung này. Chỉ yêu cầu bà Đ thanh toán tiền chuyển khoản theo sao kê Ngân hàng là 1.349.117.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn - ông Q rút yêu cầu khởi kiện về nội dung thanh toàn tiền chuyển nhượng thửa đất, phía bị đơn đồng ý, Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 299 BLTTDS hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này của Nguyên đơn.

Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền chuyển khoản, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS - ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dânkhu vực 12 – Phú Thọ, cụ thể. Buộc bà Đ phải thanh toán trả ông Q số tiền 1.349.117.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả lại tài sản là tiền vay và tiền chuyển nhượng đất. Bà Nguyễn Thị Đ có địa chỉ thường trú tại tổ Trung, phường Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình nay là phường Kỳ Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xác định quan hệ pháp luật là kiện đòi tài sản để thụ lý và giải quyết theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ngày 20/8/2025 Tòa án nhân dân khu vực 12 xét xử, ngày 03/9/2025 ông Q kháng cáo, đơn kháng cáo của ông Q trong hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận.

[1.3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Đ trả số tiền 100.000.000 đồng giá trị chuyển nhượng thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12.

Xét thấy: Việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phía

bị đơn nhất trí. Căn cứ Điều 299, Điều 308 và Điều 311 BLTTDS, HĐXX hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu này.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn Q.

2.1 ***Xét kháng cáo của ông Q về việc xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án***.

HĐXX xét thấy: Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày ... do ông Q nộp tại TAND thành phố Hòa Bình (Bút lục 01) thì tại phần ghi người bị kiện ông Q đã xác định bà Nguyễn Thị Đ là người bị kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Đ phải trả cho ông số tiền: tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất mua đất chưa thanh toán, tính theo giá trị tài sản tại thời điểm hiện nay là 1,3 tỷ đồng; tiền vay qua tài khoản các lần: 1.349.117.000 đồng. Tổng cộng cả hai khoản là: 2.649.117.000 đồng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Q cũng không thay đổi về yêu cầu khởi kiện. Đối với ông Thắng, bà Riêng là người biết sự việc, không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. TAND khu vực 12 - Phú Thọ xác định ông Thắng và bà Riêng tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 68, Điều 77 BLTTDS.

2.2. Xét kháng cáo đối với yêu cầu buộc bà Đ phải trả lại số tiền 1.349.117.000 đồng chuyển từ tài khoản cá nhân:

Tại đơn khởi kiện, đơn bổ sung và các bản lời khai, ông Q trình bày đã chuyển khoản thanh toán hộ bà Đ nhiều lần với số tiền 1.349.117.000 đồng từ 02 tài khoản cá nhân của ông Q thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021. Phía bà Đ xác nhận có nhờ ông Q chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của ông Q để thanh toán hộ, các khoản tiền này không liên quan đến vụ án ly hôn của 2 người. Như vậy về số tiền chuyển khoản được 2 bên thừa nhận là 1.349.117.000 đồng.

Phía nguyên đơn ông Q cho rằng đây là các khoản bà Đ vay, chứng minh bằng các sao kê ngân hàng, phía bị đơn là bà Đ cho rằng đây không phải là khoản vay vì không có giấy tờ, chỉ là việc nhờ chuyển khoản thanh toán hộ, cuối ngày đã trả tiền mặt cho ông Q, vì là vợ chồng nên khi trả không có ai làm chứng và không viết giấy.

Theo các tài liệu có trong hồ sơ cũng như lời khai của các đương sự tại phiên tòa thể hiện ông Q đã nhiều lần chuyển khoản cho bà Đ và các đối tác, nhà cung cấp của bà Đ để phục vụ cho việc kinh doanh nhà hàng và các khoản chi tiêu cá nhân của bà Đ với tổng số tiền 1.349.117.000 đồng, các giao dịch chuyển khoản đều thể hiện rõ nội dung, thời gian, người nhận và số tiền trong từng giao dịch.

Việc chuyển tiền giữa ông Q và bà Đ thực hiện trong một thời gian dài từ khi hai ông bà chung sống với nhau như vợ chồng cho đến khi đăng ký kết hôn và trong thời gian hôn nhân. Bà Đ cho rằng đã trả ông Q vào cuối ngày nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho việc trả tiền.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bà Đ xác nhận việc kinh doanh nhà hàng Ngọc Thắng là do mình bà Đ thực hiện và quản lý, không liên quan đến ông Q. Tuy là vợ chồng nhưng cả hai đều có kinh tế riêng, không kinh doanh chung cũng như không góp vốn làm ăn chung. Việc chi tiêu trong gia đình do cá nhân tự

chi trả. Kinh tế hoàn hoàn rạch ròi, cụ thể là có khoản bà vay ông Q số tiền 3,5 tỷ thì bà Đ viết giấy vay tiền để ông Q ký nhận, mỗi lần trả nợ đều ghi vào giấy và có ký nhận của ông Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Đ cũng xác nhận số tiền 450 triệu chuyển khoản để mua xe ô tô, chiếc xe này là tài sản riêng của bà Đ và bà đã bán xe trên. Các khoản tiền như mua tủ lạnh, mua xi măng… cũng đều phục vụ cho nhà hàng Ngọc Thắng chứ không phải phục vụ nhu cầu gia đình.

Như vậy từ các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của các đương sự, có đủ cơ sở khẳng định ông Q và bà Đ tuy có việc sống chung, đăng ký kết hôn nhưng hai bên có kinh tế độc lập, Nhà hàng Ngọc Thắng là của riêng bà Đ quản lý kinh doanh, không liên quan đến ông Q. Điều này phù hợp với việc bà Đ có viết giấy vay tiền của ông Q 3,5 tỷ đồng, mỗi lần trả đề ghi và ký xác nhận. Khoản tiền 1.349.117.000 đồng ông Q chuyển khoản thanh toán hộ bà Đ đã được bà Đ thừa nhận nên xác định đây là khoản tiền bà Đ vay của ông Q. Bà Đ cho rằng đã trả vào cuối ngày nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Theo quy định tại các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015, người vay tài sản có nghĩa vụ hoàn trả đầy đủ tài sản vay khi đến hạn, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Trong vụ án này, bà Đ không chứng minh được đã hoàn trả, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với khoản tiền 1.349.117.000 đồng là có căn cứ, hợp pháp và cần được chấp nhận. *Cấp sơ thẩm bác yêu cầu này của ông Q là chưa đánh giá đầy đủ lời khai của các bên, chưa xem xét mối quan hệ tài chính tách bạch giữa bà Đ và ông Q.* Do đó cần sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, Buộc bà Đ phải thanh toán trả cho ông Q số tiền 1.349.117.000 đồng.

[3]. Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Văn Q không phải nộp án phí dân sự. Bà Đ phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 299, Điều 308, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Hủy một phần bản án sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ và đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Đ trả số tiền 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*) giá tại chuyển nhượng thửa đất số 20, tờ bản đồ số 12 diện tích 385m^2 tại địa chỉ xóm Tân Lập, xã Dân Hòa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (cũ).

2. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Q. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2025/DS-ST ngày 20/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và

Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 119, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 32; Điều 33; Điều 47 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải thanh toán trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.349.117.000 đồng (*Một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 52.473.510đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (13/11/2025)./

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đinh Trường Sơn **Hoàng Ngọc Liễu**	**Trần Thanh Hải**

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 – Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thanh Hải